

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ÁP DỤNG CHO NGÀNH HỌC PHỤ

(Kèm theo Quyết định số: 590/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 23 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.)

Tên ngành phụ đào tạo: Tiếng Nhật thương mại

PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH PHỤ

1. Mục tiêu chương trình đào tạo

- Trang bị kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ, văn hóa, và kinh tế-thương mại Nhật Bản để sinh viên sử dụng thành thạo tiếng Nhật ở cấp độ N4 JLPT.
- Phát triển kỹ năng nghe, nói, đọc, và viết tiếng Nhật trong lĩnh vực kinh tế thương mại, đồng thời nâng cao khả năng nghiên cứu và giải quyết vấn đề thực tiễn.
- Gia tăng cơ hội việc làm và lợi thế cạnh tranh khi ứng tuyển vào các tập đoàn đa quốc gia hoặc công ty có môi trường làm việc quốc tế.

2. Định hướng đào tạo

2.1. Định hướng đào tạo

- Chương trình được thiết kế theo định nghề nghiệp nhằm phát triển kỹ năng chuyên môn và khả năng thích ứng với các yêu cầu thực tế.
- Đảm bảo sinh viên tốt nghiệp có năng lực làm việc hiệu quả tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức trong và ngoài nước.
- Tăng cường hợp tác với doanh nghiệp và các bên liên quan để cập nhật và điều chỉnh chương trình, đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động.

2.2. Gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của Trường

- Chương trình phù hợp với sứ mạng và tầm nhìn của Trường trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của xã hội.
- Được xây dựng theo chiến lược phát triển của Trường, hướng tới nâng cao chất lượng đào tạo.
- Hỗ trợ sinh viên phát triển toàn diện cả về kiến thức chuyên môn và kỹ năng mềm, nhằm đáp ứng xu hướng phát triển của nền kinh tế và xã hội trong nước và quốc tế.

3. Cấu trúc chương trình

- Tổng số tín chỉ: 20 tín chỉ bao gồm các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành.
- Kế hoạch giảng dạy: 03 học kỳ.

4. Điều kiện hoàn thành

4.1. Điều kiện học ngành phụ:

- Điểm trung bình tích lũy (GPA) từ 2.0 trở lên.
- Đối tượng: Sinh viên từ năm hai đang theo học chương trình đào tạo ngành chính tại trường.

4.2. Điều kiện hoàn thành ngành phụ:

- Hoàn thành đủ 20 tín chỉ của chương trình.
- Điểm trung bình các học phần ngành phụ từ 2.0 trở lên.

4.3. Cấp chứng nhận và bằng kết quả học tập (phụ lục chứng nhận):

- Sinh viên sẽ được cấp chứng nhận và bằng kết quả học tập sau khi hoàn thành khóa học.

PHẦN B: CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 20 tín chỉ

2. Cấu trúc chương trình dạy học

2.1. Cấu trúc theo nhóm học phần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1.	DP71128	Tiếng Nhật tổng hợp 1	4	Học phần cơ sở ngành
2.	DP71129	Tiếng Nhật tổng hợp 2	4	Học phần cơ sở ngành
3.	DP71130	Tiếng Nhật tổng hợp 3	4	Học phần cơ sở ngành
4.	DP71131	Tiếng Nhật thương mại 1	2	Học phần chuyên ngành
5.	DP71132	Tiếng Nhật thương mại 2	2	Học phần chuyên ngành
6.	DP71133	Tiếng Nhật thương mại 3	2	Học phần chuyên ngành
7.	DP71134	Chuyên đề tốt nghiệp	2	Học phần chuyên ngành

- Tổng số tín chỉ học phần cơ sở ngành: (12TC, chiếm tỷ lệ 60%)

- Tổng số tín chỉ học phần chuyên ngành: (8TC, chiếm tỷ lệ 40%)

2.2. Cấu trúc theo khối kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ					BB	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
I.	Kiến thức cơ sở ngành												
1	DP71128	Tiếng Nhật tổng hợp 1	General Japanese 1	4	60	60	0	0	0	BB	Không	Không	Không
2	DP71129	Tiếng Nhật tổng hợp 2	General Japanese 2	4	60	60	0	0	0	BB	Không	Không	DP71128
3	DP71130	Tiếng Nhật tổng hợp 3	General Japanese 3	4	60	60	0	0	0	BB	Không	Không	DP71129

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ					BB	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
II. Kiến thức chuyên ngành													
4	DP71131	Tiếng Nhật thương mại 1	Business Japanese 1	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
5	DP71132	Tiếng Nhật thương mại 2	Business Japanese 2	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	DP71131
6	DP71133	Tiếng Nhật thương mại 3	Business Japanese 3	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	DP71132
7	DP71134	Chuyên đề tốt nghiệp	Graduation Project	2	60	0	60	0	0	BB	DP71133	Không	Không
TỔNG				20	330	270	60	0	0				

Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá (Theo TT 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021)

- **LT: lý thuyết** (Giảng dạy trực tiếp trên lớp hoặc qua MS Team. Tùy thuộc vào phương pháp dạy - học, hoạt động giảng dạy trên lớp hoặc qua MS Team gồm các hình thức như: giảng bài, thảo luận nhóm, sửa bài tập, thuyết trình....). 1 TC lý thuyết tính bằng 15 giờ lên lớp, thời gian còn lại của giờ tín chỉ sử dụng cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu trải nghiệm và thi, kiểm tra, đánh giá.
- **TH: thực hành** (Thực hiện tại phòng máy tính, phòng thí nghiệm; làm đồ án, dự án tại lớp; học mô phỏng, học thực hành tại các phòng thực hành chuyên biệt như: phòng mô phỏng, phòng piano, phòng sân khấu kịch, phòng phim trường, phòng studio, phòng lab...). 1 TC thực hành bằng 30 giờ lên lớp, thời gian còn lại của giờ tín chỉ sử dụng cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu trải nghiệm và thi, kiểm tra, đánh giá.
- **TT: thực tế** (đi kiến tập, thực tập, đi tour, đi thực địa ngoài Trường). 1 TC thực tế bằng 45 giờ - 60 giờ thực hành (tính theo giờ hành chính) tại cơ sở thực tế, bao gồm cả cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu trải nghiệm và thi, kiểm tra, đánh giá.
- **Viết tắt:** BB/TC: học phần bắt buộc hay tự chọn; TQ: học phần tiên quyết; SH: học phần song hành; HT: học phần học trước

2.3. Nội dung tóm tắt các học phần

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
1.	Tiếng Nhật tổng hợp 1	4	<p>Học phần Tổng Nhật tổng hợp 1 gồm 4 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần Từ vựng - Ngữ pháp: Giới thiệu từ vựng theo bài, liên quan đến các chủ đề cụ thể sử dụng trong bài học và viết hướng dẫn người học đọc từ vựng đúng, phát âm chuẩn. Các kiến thức cơ bản về ngữ pháp sơ cấp theo từng bài học; đặt câu hoàn chỉnh, dịch nghĩa câu.... - Phần Nghe – Nói: Giới thiệu các kiến thức cơ bản về phương pháp nghe - nói tiếng Nhật; giới thiệu thanh điệu và các quy luật biến đổi thanh điệu trong tiếng Nhật; hướng dẫn người học cách mô tả các âm đề trên cơ sở đó có khả năng tự nghe và nói được mẫu câu chào hỏi ngắn gọn, thứ tự cơ bản các thành phần câu trong tiếng Nhật, các mẫu câu thường dùng; các câu hỏi nghi vấn và phủ định thường dùng; các danh từ; các đại từ nhân xưng; động từ, tính từ và phó từ mức độ thường dùng. - Phần Đọc – Viết: Hướng dẫn người học cách đọc và viết đúng hai bảng chữ cái Hiragana và Katakana, từ vựng theo bài, các câu đơn giản và các đoạn văn ngắn theo chủ đề; bài viết giới thiệu về bản thân.
2.	Tiếng Nhật tổng hợp 2	4	<p>Học phần Tổng Nhật tổng hợp 1 gồm 4 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần Từ vựng - Ngữ pháp: Giới thiệu từ vựng theo bài, liên quan đến các chủ đề cụ thể sử dụng trong bài học và viết hướng dẫn người học cách viết từ vựng đúng, phát âm chuẩn. Các kiến thức cơ bản về ngữ pháp sơ cấp theo từng bài học; đặt câu hoàn chỉnh, dịch nghĩa câu.... - Phần Nghe – Nói: Nghe hiểu các nội dung cơ bản thông qua các bài hội thoại tương ứng theo các chủ đề bám sát theo chương trình học và củng cố vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, bài tập ứng dụng và kỹ năng nghe. Đối thoại, điều chỉnh phát âm và thực hành khả năng nói thông

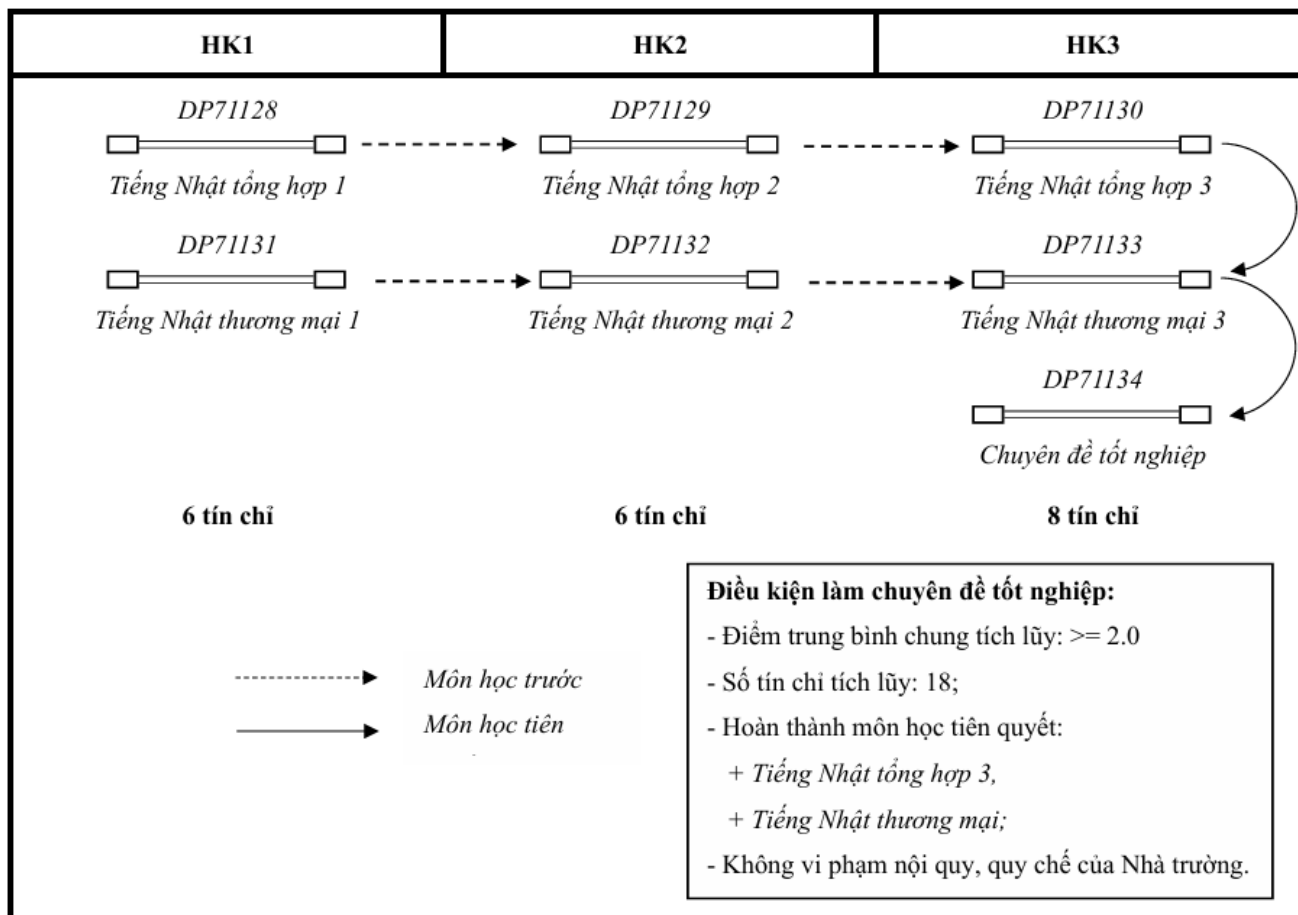
TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			<p>qua các bài hội thoại tương ứng theo các chủ đề của mỗi bài học, tìm hiểu thêm về văn hóa Nhật Bản cần có trong các tình huống giao tiếp theo các chủ đề.</p> <p>- Phần Đọc – Viết: Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp đã học để đọc dịch câu, thành thạo cách sử dụng, ứng dụng vào viết câu căn bản trong cuộc sống hằng ngày như giới thiệu về cuộc sống, gia đình, công việc.</p>
3.	Tiếng Nhật tổng hợp 3	4	<p>Học phần Tiếng Nhật tổng hợp 1 gồm 4 phần:</p> <p>- Phần Từ vựng - Ngữ pháp: Giới thiệu từ vựng theo bài, liên quan đến các chủ đề cụ thể sử dụng trong bài học và viết hướng dẫn người học cách viết từ vựng đúng, phát âm chuẩn. Các kiến thức cơ bản về ngữ pháp sơ cấp theo từng bài học; đặt câu hoàn chỉnh, dịch nghĩa câu....</p> <p>- Phần Nghe – Nói: Nghe hiểu các nội dung cơ bản thông qua các bài hội thoại tương ứng theo các chủ đề bám sát theo chương trình học và củng cố vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, bài tập ứng dụng và kỹ năng nghe. Đối thoại, điều chỉnh phát âm và thực hành khả năng nói thông qua các bài hội thoại tương ứng theo các chủ đề của mỗi bài học, tìm hiểu thêm về văn hóa Nhật Bản cần có trong các tình huống giao tiếp theo các chủ đề.</p> <p>- Phần Đọc – Viết: Vận dụng các cấu trúc ngữ pháp đã học để đọc dịch câu, thành thạo cách sử dụng, ứng dụng vào viết các đoạn văn ngắn hoặc nhật kí trong cuộc sống hằng ngày.</p>
4.	Tiếng Nhật thương mại 1	2	<p>Học phần tiếng Nhật thương mại 1 gồm 2 phần:</p> <p>- Phần Nghe: Giới thiệu các kiến thức cơ bản về phương pháp nghe tiếng Nhật; giới thiệu thanh điệu và các quy luật biến đổi thanh điệu trong tiếng Nhật; hướng dẫn người học cách mô tả các âm để trên cơ sở đó có khả năng tự nghe.</p> <p>- Phần Nói: Các kiến thức cơ bản và mẫu câu chào hỏi ngắn gọn, thứ tự cơ bản các thành phần câu trong tiếng Nhật, các mẫu câu thường dùng; các câu hỏi nghi vấn và phủ định</p>

TT	Tên môn học/học phần	TC	Nội dung
			thường dùng; các danh từ; các đại từ nhân xưng; động từ, tính từ và phó từ mức độ thường dùng.
5.	Tiếng Nhật thương mại 2	2	<p>Học phần tiếng Nhật thương mại 2 gồm 2 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần Nghe: Nghe hiểu các nội dung cơ bản thông qua các bài hội thoại tương ứng theo các chủ đề bám sát theo chương trình học và củng cố vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, bài tập ứng dụng và kỹ năng nghe. - Phần Nói: Đối thoại, điều chỉnh phát âm và thực hành khả năng nói thông qua các bài hội thoại tương ứng theo các chủ đề của mỗi bài học, tìm hiểu thêm về văn hóa Nhật Bản cần có trong các tình huống giao tiếp theo các chủ đề.
6.	Tiếng Nhật thương mại 3	2	<p>Học phần tiếng Nhật thương mại 3 gồm 2 phần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phần Nghe: Nghe hiểu các nội dung nâng cao thông qua các bài hội thoại tương ứng theo các chủ đề bám sát theo chương trình học và củng cố vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp, bài tập ứng dụng và kỹ năng nghe. - Phần Nói: Đối thoại, điều chỉnh phát âm và thực hành khả năng nói lưu loát thông qua các bài hội thoại tương ứng theo các chủ đề của mỗi bài học, tìm hiểu thêm về văn hóa Nhật Bản cần có trong các tình huống giao tiếp theo các chủ đề.
7.	Chuyên đề tốt nghiệp	2	<p>Học phần cung cấp cho người học những kiến thức tổng quan về quy trình và phương pháp thực hiện một dự án phục vụ công tác nghiên cứu cho chuyên ngành. Bên cạnh đó, học phần cũng giúp người học hoàn thiện kỹ năng tổng hợp, phân tích và so sánh – đối chiếu; kỹ năng quản lý và trình bày dự án. Đồng thời, học phần giúp người học nâng cao kỹ năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm; hoàn thiện khả năng nói trước công chúng cũng như có thể giải quyết các tình huống cụ thể liên quan đến chuyên ngành.</p>

3. Kế hoạch giảng dạy

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ					BB	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
Học kỳ 1: 6 tín chỉ													
1.	1	DP71128	Tiếng Nhật tổng hợp 1	4	60	60	0	0	0	BB	Không	Không	Không
2.	1	DP71131	Tiếng Nhật thương mại 1	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	Không
Học kỳ 2: 6 tín chỉ													
3.	2	DP71129	Tiếng Nhật tổng hợp 2	4	60	60	0	0	0	BB	Không	Không	DP71128
4.	2	DP71132	Tiếng Nhật thương mại 2	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	DP71131
Học kỳ 3: 8 tín chỉ													
5.	3	DP71130	Tiếng Nhật tổng hợp 3	4	60	60	0	0	0	BB	Không	Không	DP71129
6.	3	DP71133	Tiếng Nhật thương mại 3	2	30	30	0	0	0	BB	Không	Không	DP71132
7.	3	DP71134	Chuyên đề tốt nghiệp	2	60	0	60	0	0	BB	DP71133	Không	Không

4. Lưu đồ chương trình môn học (sơ đồ cây chương trình môn học)



**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

**KT. TRƯỞNG KHOA
PHÓ TRƯỞNG KHOA**

Nguyễn Thúy Lan Chi

Trần Thị Phương Thu